

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 305/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 19/4/2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia; Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết số 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung nhóm hàng vật tư, thiết bị y tế vào Danh mục hàng dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

## I. QUAN ĐIỂM

1. Dự trữ quốc gia là nguồn lực dự phòng chiến lược, quan trọng của nhà nước, được hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp huy động từ xã hội, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhằm chủ động, kịp thời đáp ứng mục tiêu của dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Hoạt động dự trữ quốc gia tuân thủ theo quy định của pháp luật, dưới sự điều hành tập trung thống nhất của Chính phủ, đảm bảo công khai, minh bạch, góp phần ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3. Nguồn lực dự trữ quốc gia được bố trí cân đối, hài hòa tại các vùng lãnh thổ, tuyến chiến lược trong cả nước, đáp ứng kịp thời mục tiêu của dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ khác được giao. Đồng thời, từng bước xã hội hóa hoạt động dự trữ quốc gia góp phần tăng cường nguồn lực dự trữ quốc gia.

4. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, huy động, sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia. Xây dựng lực lượng dự trữ quốc gia có quy mô đủ mạnh, cơ cấu hợp lý, danh mục mặt hàng chiến lược, thiết yếu để sẵn sàng, chủ động đáp ứng kịp thời, hiệu quả các mục tiêu dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Nguồn lực dự trữ quốc gia: Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia và huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để tăng cường tiềm lực dự trữ quốc gia.

b) Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý

- Danh mục, số lượng hàng dự trữ quốc gia đảm bảo yêu cầu thiết yếu, chiến lược, quan trọng và có quy mô đủ mạnh để can thiệp khi có tình huống cấp bách.

- Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý: Thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Dự trữ quốc gia và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia.

c) Mức dự trữ quốc gia một số mặt hàng chiến lược, thiết yếu đến năm 2030

- Lương thực: Đến năm 2025 giữ mức dự trữ tồn kho cuối năm khoảng 250.000 tấn (quy gạo). Giai đoạn 2026 - 2030, căn cứ tình hình thực tế để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức mua tăng hàng năm phù hợp.

- Vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn: Mức dự trữ đáp ứng yêu cầu phòng, chống, ứng phó sự cố thiên tai, dịch bệnh và tìm kiếm, cứu nạn của các bộ, ngành, địa phương.

- Muối ăn: Sử dụng lượng tồn kho hiện nay để xuất cấp cứu trợ, hỗ trợ cho nhân dân khi có tình huống đột xuất, cấp bách xảy ra hoặc xuất giảm theo quyết định của cấp có thẩm quyền; trong giai đoạn tới không bố trí kế hoạch mua tăng, mua bù muối ăn.

- Các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh: Tăng cường dự trữ quốc gia các mặt hàng chiến lược, tiên tiến, hiện đại với mức bố trí kinh phí hàng năm tăng cao hơn mức bình quân của toàn ngành, đảm bảo yêu cầu tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh để chủ động, sẵn sàng cho nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội và các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác.

- Các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ nông nghiệp: Mức dự trữ đáp ứng yêu cầu cơ bản về phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, ổn định sản xuất của nhân dân.

- Xăng dầu: Đến năm 2030 phấn đấu tăng dần mức dự trữ quốc gia lên khoảng 800 ngàn m<sup>3</sup> đối với sản phẩm xăng dầu và 1.000 - 2.000 ngàn tấn đối với dầu thô, tương đương 15-20 ngày nhập ròng, trong đó: Tiếp tục tập trung hoàn thiện hệ thống quy định của pháp luật về quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia; trên cơ sở đó, tăng dần mức dự trữ quốc gia phù hợp với hạ tầng phục vụ dự trữ quốc gia về xăng dầu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 về Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phù hợp với năng lực quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia.

- Các mặt hàng y tế: Mức dự trữ đảm bảo chủ động đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, các tình huống khẩn cấp về y tế và nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Đối với các mặt hàng phục vụ đảm bảo giao thông, vận tải, phát thanh truyền hình: Mức dự trữ quốc gia thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực đến năm 2030.

d) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kho dự trữ quốc gia và cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng theo hướng tiên tiến, hiện đại, quy mô lớn, tập trung tại các vùng, tuyến chiến lược trong cả nước theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và thuận lợi trong quá trình nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

đ) Đầu tư nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ bảo quản tiên tiến, hiện đại, phù hợp với điều kiện khí hậu và kinh tế - xã hội của Việt Nam, đảm bảo chất lượng, hạ thấp tỷ lệ hao hụt hàng dự trữ quốc gia; nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

e) Đẩy mạnh hiện đại hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung ngành dự trữ quốc gia kết nối với dữ liệu quốc gia các ngành, lĩnh vực, địa phương để đảm bảo đủ thông tin báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trong hoạt động dự trữ quốc gia.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về dự trữ quốc gia bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, trong đó tập trung:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Dự trữ quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo điều hành hoạt động dự trữ quốc gia phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và phù hợp với thực tế tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Rà soát, hoàn thiện thể chế, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý dự trữ quốc gia đảm bảo phù hợp yêu cầu quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia làm cơ sở cho việc quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia, đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả định mức chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

- Nghiên cứu xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích, huy động và quản lý, sử dụng nguồn lực xã hội hóa dự trữ quốc gia.

2. Tăng cường nguồn lực dự trữ quốc gia

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, hàng năm ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để tăng chi cho dự trữ quốc gia; đồng thời huy động nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước; hợp tác với các quốc gia, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới để tìm kiếm sự hỗ trợ, liên kết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, tập trung xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm về dự trữ quốc gia; xây dựng kế hoạch mua bổ sung, mua bù hàng dự trữ quốc gia, đảm bảo tăng dần về quy mô, về số lượng, đa dạng chủng loại hàng hóa đáp ứng theo mục tiêu đề ra.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm các mặt hàng thiết yếu, chiến lược đưa vào dự trữ quốc gia và kế hoạch bố trí dự trữ tại các địa bàn trọng điểm, các khu vực chiến lược trên cả nước để bảo đảm chủ động ứng phó nhanh, hiệu quả khi có tình huống đột xuất, cấp bách xảy ra.

- Phát huy tốt sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dự trữ quốc gia 5 năm, hàng năm và các nhiệm vụ dự trữ quốc gia khác được giao.

3. Hoàn thiện danh mục hàng dự trữ quốc gia:

- Định kỳ, hàng năm rà soát danh mục hàng dự trữ quốc gia làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn.

- Nghiên cứu dự báo của các cơ quan chuyên môn về tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh, quốc phòng để xây dựng, xác định danh mục hàng dự trữ quốc gia phù hợp. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác đánh giá danh mục hàng dự trữ quốc gia.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia với các bộ, ngành quản lý lĩnh vực và các địa phương đánh giá, xác định các danh mục mặt hàng đưa vào dự trữ quốc gia. Nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế để hoàn chỉnh danh mục hàng dự trữ quốc gia.

#### 4. Đầu tư, xây dựng hệ thống kho và cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng dự trữ quốc gia

- Tăng cường bố trí ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các điểm kho dự trữ quốc gia tập trung, đồng bộ, liên hoàn, an toàn, có quy mô, công suất đủ lớn và trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia; đồng thời đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng đồng bộ, phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

- Ban hành và thực hiện các quy định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phù hợp với công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia.

- Đối với các bộ, ngành thực hiện thuê kho bảo quản: Thực hiện theo các quy định về quản lý hàng dự trữ quốc gia và quy hoạch kho dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bảo đảm an toàn, đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia, chủ động, sẵn sàng xuất cấp đáp ứng yêu cầu mục tiêu dự trữ quốc gia.

#### 5. Công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ mới trong công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, tận dụng tối đa lợi thế của Cách mạng công nghiệp 4.0 để tiến tới tự động hóa các khâu trong quy trình nghiệp vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản mới, tiên tiến, hiện đại, công nghệ kỹ thuật cao, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, từng bước ứng dụng các thành tựu nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao vào công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, nhằm bảo đảm chất lượng, giảm tỷ lệ hao hụt hàng dự trữ quốc gia, tiết kiệm chi phí, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham

gia cung cấp các giải pháp kỹ thuật, ứng dụng công nghệ bảo quản miễn phí phục vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia

- Đầu tư hiện đại hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành hoạt động dự trữ quốc gia; tin học hóa quy trình nghiệp vụ nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Hoàn thành xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý hàng dự trữ quốc gia, quản lý hệ thống kho dự trữ quốc gia, nghiệp vụ dự trữ quốc gia, quản lý nguồn nhân lực.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, đảm bảo vận hành liên tục, hiệu quả, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

- Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu về dự trữ quốc gia, đảm bảo kết nối dữ liệu giữa các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, qua đó hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

7. Tổ chức bộ máy dự trữ quốc gia

a) Tổ chức bộ máy dự trữ quốc gia được bố trí ở trung ương và các khu vực, địa bàn chiến lược trong cả nước đảm bảo sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi có tình huống đột xuất, cấp bách xảy ra.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy dự trữ quốc gia, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cụ thể:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách gắn liền với cải cách hành chính mạnh mẽ, đẩy mạnh phân cấp quản lý.

- Các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý dự trữ quốc gia theo hướng tập trung đầu mối và bố trí cán bộ kiêm nhiệm, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

c) Phát triển nguồn nhân lực dự trữ quốc gia chất lượng cao, bảo đảm về số lượng, có cơ cấu hợp lý, có phẩm chất chính trị, năng lực công tác trong đó tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật và bảo quản hàng dự trữ quốc gia; sắp xếp, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của ngành dự trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, cải cách thủ tục hành chính

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về dự trữ quốc gia, chú trọng công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc

gia; xử lý nghiêm theo pháp luật và công khai kết quả thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động dự trữ quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia, đồng thời là căn cứ để hoàn chỉnh chính sách, pháp luật về dự trữ quốc gia; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng trong lĩnh vực dự trữ quốc gia. Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ việc quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

- Tạo bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa và cắt giảm các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian, chi phí cho các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia.

## 9. Hợp tác quốc tế

- Thực hiện đầy đủ, trách nhiệm các điều ước quốc tế, hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế có liên quan đến dự trữ quốc gia mà Việt Nam tham gia ký kết.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới để nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia, công nghệ xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia, đào tạo nguồn nhân lực.

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các quốc gia trong và ngoài khu vực để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia, công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia và dự báo đối với hoạt động dự trữ quốc gia.

## 10. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, các tầng lớp nhân dân trong toàn xã hội về dự trữ quốc gia, chú trọng việc tuyên truyền công tác “xã hội hóa” hoạt động dự trữ quốc gia.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động dự trữ quốc gia ở các ngành, các cấp theo quy định.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh nội dung Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 trong trường hợp cần thiết.

- Rà soát, hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để

tăng cường quy mô dự trữ quốc gia.

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 theo định kỳ (vào năm 2025 và năm 2030), tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo vốn đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia và cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng đồng bộ phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia.

3. Các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành quản lý lĩnh vực, cơ quan, tổ chức có chức năng tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phòng thủ dân sự hoặc về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- Rà soát, xây dựng hệ thống định mức bảo quản, hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hàng dự trữ quốc gia.

- Xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia, cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

- Hoàn thiện công tác tổ chức quản lý dự trữ quốc gia của bộ, ngành để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Bộ, ngành quản lý lĩnh vực, cơ quan, tổ chức có chức năng tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phòng thủ dân sự hoặc về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

5. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí khác ở Trung ương và Địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hạ tầng đa phương tiện khác.

6. Lộ trình thực hiện: Theo phụ lục đính kèm.

### **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.



2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: NN, CN, NC, KGVX, PL, TH, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2b). 110





Phụ lục

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỀ RA TẠI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 305 /QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về dự trữ quốc gia</b>			
1	Sửa đổi, bổ sung Luật dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2025-2026
2	Rà soát, hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, điều hành hoạt động dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
3	Nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách để khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa dự trữ quốc gia. Tăng cường hợp tác với các quốc gia, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới để tìm kiếm sự hỗ trợ, liên kết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.	Bộ Tài chính	Các Bộ, ngành có liên quan; các địa phương	Năm 2024-2025
<b>II</b>	<b>Tăng cường tiềm lực, nguồn lực dự trữ quốc gia</b>			
1	Rà soát danh mục hàng dự trữ quốc gia theo hướng điều chỉnh, bổ sung những mặt hàng chiến lược, thiết yếu, loại bỏ những mặt hàng không còn phù hợp ra khỏi danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm

2	Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để tăng cường tiềm lực dự trữ quốc gia, trong đó ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để đảm bảo mục tiêu về dự trữ quốc gia đối với sản phẩm xăng dầu, dầu thô.	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
<b>III</b>	<b>Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong quản lý dự trữ quốc gia</b>			
1	Nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong bảo quản hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
2	Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính, các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm tin học hóa quy trình nghiệp vụ nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo điều hành dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
<b>IV</b>	<b>Quy hoạch và đầu tư xây dựng, hiện đại hóa hệ thống kho dự trữ quốc gia</b>			
1	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2024
2	Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia tại các Bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2024-2025
3	Cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đảm bảo đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia và cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng đồng bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm

4	Đầu tư xây dựng hiện đại hóa hệ thống kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch đã phê duyệt	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
<b>V</b>	<b>Rà soát, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý dự trữ quốc gia</b>			
1	Kiến toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách; hoàn thiện công tác tổ chức quản lý dự trữ quốc gia tại các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
2	Tổ chức tập huấn để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia	Các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm
<b>VI</b>	<b>Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hạ tầng đa phương tiện khác</b>	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	Các cơ quan báo chí khác ở Trung ương và Địa phương và các Bộ, ngành có liên quan	Hàng năm